

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: Vũ Tiến Thịnh
- Năm sinh: 25/04/1980
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): Tiến sĩ (2009, Đại học Colorado - Mỹ)
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm):
Giáo sư, 2022

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Quản lý Tài nguyên và Môi trường Nông-Lâm nghiệp
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Trưởng khoa - Khoa Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, Đại học Lâm nghiệp.
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa - Khoa Quản lý tài nguyên rừng và môi trường, Đại học Lâm nghiệp.
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):
2023, 2024: Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở Trường Đại học Lâm nghiệp
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):
Không
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):
Không

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

- a) Tổng số sách đã chủ biên: 1 sách chuyên khảo; 1 giáo trình.
- b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn).
 - **Vũ Tiến Thịnh**, Nguyễn Đắc Mạnh, Trần Văn Dũng, Phạm Thanh Hà, Hoàng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Thị Vân Anh, Trần Ngọc Hải, Vương Văn Quỳnh,

Nguyễn Thị Hòa, Lê Thái Sơn, Giang Trọng Toàn, Vũ Quang Nam, Phùng Thị Tuyền, Tạ Tuyết Nga. 2020. *Bảo tồn các loài nguy cấp, quý hiếm, đặc hữu trong bối cảnh biến đổi khí hậu*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

- **Vũ Tiến Thịnh**. 2020. Giáo trình Quản lý động vật hoang dã. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 41 bài báo tạp chí trong nước; 28 bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liên kế với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

TT	Tên tác giả	Tên công trình	Tên tạp chí	Năm công bố	IF	Số trích dẫn
	Quốc tế					
1.	Dung Van Tran, Dai Viet Phan, Thinh Vu, Ky A Lau, Nhung Thi Pham, Hoa Thi Pham, Thanh Chi Nguyen, Pham Van Thong, Andrew Tilker	First observation of mating behavior of the endangered forest musk deer <i>Moschus berezovskii</i> in the wild (Short Note)	Tropical Zoology	2025	0.7	
2.	Thinh Vu, Dai Viet Phan, Thai Son Le, Dena J. Clink	Investigating hunting in a protected area in Southeast Asia using passive acoustic monitoring with mobile smartphones and deep learning	Ecological Indicators	2024	7.0	

3.	Shermin de Silva, Tiffany Wu, Philip Nyhus, Ashley Weaver, Alison Thieme, Josiah Johnson, Jamie Wadey, Alexander Mossbrucker, Thinh Vu , Thy Neang, Becky Shu Chen, Melissa Songer & Peter Leimgruber	Land-use change is associated with multi-century loss of elephant ecosystems in Asia	Scientific Reports 13, Article number: 5996	2023	4,6	8
4.	Thinh T. Vu , Paul F. Doherty, Hoa T. Nguyen, Dena J. Clink, Manh D. Nguyen, Hai T. Dong, Susan M. Cheyne, Toan T. Giang, Dai V. Phan, Nga T. Ta, Dung V. Tran	Passive acoustic monitoring using smartphones reveals an alarming gibbon decline in a protected area in the central Annamite Mountains, Vietnam	American Journal of Primatology, Volume85, Issue11. DOI: https://doi.org/10.1002/ajp.23544	2023	3,01	
5.	Thinh Tien Vu , Thanh Chi Nguyen, Paul F. Doherty Jr, Hoa Thi Nguyen, Dena Jane Clink, Manh Dac Nguyen, Hai	Using mobile smartphones and bioacoustics to monitor endangered bird species	Ibis Volume165, Issue4. DOI: https://doi.org/10.1111/ibi.13215	2023	2,1	

	Thanh Dong, Toan Trong Giang					
6.	Dung Van Tran, Thinh Tien Vu , Kazumi Fukutani, Kanto Nishikawa	Demographic and ecological niche dynamics of the Vietnam warty newt, Paramesotriton deloustali: Historical climate influences.	PLoS ONE 18(8): e0290044. https://doi.org/10.1371/journal.pone.0290044	2023	4,4	1
7.	Dung Van Tran, Trai Trong Le, Thinh Tien Vu , Duy Dinh Nguyen, Thananh Khotpathoom, Khoa Van Phung, Hieu Dang Tran, Ninh Van Le & Tinh Cong Le	A review on the status and modeling of suitable habitats of the southern white-cheeked gibbon.	Primates	2023	1,78	
8.	Thinh Tien Vu & Paul F. Doherty	Using bioacoustics to monitor gibbons.	Biodiversity and Conservation volume 30, pages 1189– 1198.	2021	4,3	1
9.	Khotpathoom, T., Vu, T.T.	An estimation of density and population size for Eld's deer in the Xonnabouly Eld's deer	Mammalia, 2021, 85(2), pp. 109–114	2021	0,71	2

		sanctuary, Lao PDR.				
10.	Dung Van Tran, Dai Phan Viet, Thinh Vu Tien , An Nguyen, Cap Pham Van and Andrew Tilker	New records of the forest musk deer <i>Moschus berezovskii</i> in Viet Nam revealed by camera traps.	Oryx, 55(4) - Bản thông tin ngắn (Short notes, Conservation news).	2021	1,96	
11.	Vũ Tiến Thinh , Trần Văn Dũng	Using autonomous recorders and bioacoustics to monitor the globally endangered wildlife in the Annamite mountain landscape: A case study with Crested argus in Song Thanh Nature Reserve.	Journal for Nature Conservation ISI; Volume 56. DOI: 10.1016/j.jnc.2020.125843	2020	2,57	4
12.	Thananh Khotpathoom, Thinh Tien Vu , Naris Bhumpakphan, Ronglarp Sukmasuang & Sara Bumrungsri	Using radiotelemetry to identify the home range and daily movement of a “living fossil”: the Laotian rock rat (<i>Laonastes aenigmamus</i>)	Mammalian Biology, 2020, 100(4), pp. 377–384	2020	1,98	1
13.	Dung T. V, Thinh T. V. , Bao Q. T., Manh D. N.,	Modelling the change in the distribution of the black-shanked	The Raffles Bulletin of Zoology. DOI:	2020	1,19	5

	Phuong T. V., Trang H. T., Hoa T. Nguyen, Thong V. P., Thanh C. N.	douc, <i>Pygathrix nigripes</i> (Milne- Edwards) in the context of climate change: Implications for conservation.	10.26107/RB Z-2020-0088			
14.	Dung Van Tran, Thinh Tien Vu	Combining species distribution modeling and distance sampling to assess the wildlife population size: a case study with the northern yellow- cheeked gibbon (<i>Nomascus annamensis</i>).	American Journal of Primatology , Volume 82, Issue 9.	2020	3,01	10
15.	Thinh T. Vu , Nguyen Q. Hoa Anh, Benjamin M. Rawson, Dung V. Tran, Hoa T. Nguyen , Thinh N. Van	Monitoring occurrence, extinction, and colonization probabilities for gibbon populations.	American Journal of Primatology, Volume 82, Issue 9.	2020	3,01	2
16.	Thinh T. Vu , Dung V. Tran, Hoa T. P. Tran, Manh D. Nguyen, Tuan A. Do, Nga T. Ta, Hien T. Cao, Nhung T. Pham & Dai V. Phan	An assessment of the impact of climate change on the distribution of the grey-shanked douc <i>Pygathrix cinerea</i> using an ecological niche model	Primates volume 61, pages267– 275 (2020)	2019	1,78	13

	Trong nước					
17.	Vũ Tiến Thịnh, Nguyễn Thị Hòa, Nguyễn Thị Thanh Hải, Phan Viết Đại, Giang Trọng Toàn, Tạ Tuyết Nga, Trần Văn Dũng, Trần Mạnh Long, Nguyễn Hữu Văn	Xác định cấu trúc đàn Vượn má vàng trung bộ (<i>Nomascus annamensis</i>) tại khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông, tỉnh Quảng Trị bằng phương pháp âm sinh học. (2020).	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 10: 127-131.	2021		
18.	Nguyễn Hữu Văn, Vũ Tiến Thịnh	Xác định tình trạng và phân bố của Vượn đen má trắng tại Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 11: 149-154	2021		
19.	Nguyễn Hữu Văn, Vũ Tiến Thịnh, Nguyễn Thị Hòa	Xác định một số đặc điểm sinh thái của Vượn đen má trắng (<i>Nomascus leucogenys</i> Ogiby, 1804) tại Vườn Quốc gia Vũ quang, tỉnh Hà Tĩnh.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp, Số 3 năm 2021: 124-131.	2021		
20.	Vũ Tiến Thịnh, Nguyễn Đắc Mạnh, Lê Thái Sơn, Trần Văn Dũng, Nguyễn Thị Hòa, Hoàng Thị Thanh Nhàn	Xác định mức độ ưu tiên về bảo tồn tài nguyên động vật hoang dã của các khu rừng đặc dụng ở Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu.	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn.	2020		

21.	Thananh Khotpathoom, Vũ Tiến Thịnh	Kích thước và cấu trúc đàn Nai cà tông (<i>Rucervus eldii</i>) tại Khu bảo tồn Nai cà tông Xonnabouly, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, số 17 tr.56-59.	2020		
22.	Thananh Khotpathoom, Vũ Tiến Thịnh	Đặc điểm phân bố của Nai cà tông (<i>Rucervus eldii</i>) tại Khu bảo tồn Nai cà tông Xonnabouly, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, số 16 tr.101-109.	2020		
23.	Vũ Tiến Thịnh, Nguyễn Đắc Mạnh, Lê Thái Sơn, Trần Văn Dũng, Nguyễn Thị Hòa, Hoàng Thị Thanh Nhàn	Xác định mức độ ưu tiên về bảo tồn tài nguyên động vật hoang dã của các khu rừng đặc dụng ở Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu.	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn.	2020		
24.	Đỗ Xuân Trường, Vũ Tiến Thịnh	Đa dạng thành phần loài chim tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, tỉnh Quảng Ninh.	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, số 14.	2019		

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 02 đề tài Nafosted; 01 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

TT	Tên đề tài	Thời gian thực hiện	Cấp quản lý đề tài	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	ĐT: Điều tra, giám sát tình trạng và động thái quần thể động vật hoang dã bằng thiết bị di động	2020 – 2023	Đề tài Nhóm nghiên cứu mạnh của quỹ Nafosted	Chủ nhiệm
2	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm đề xuất các giải pháp bảo tồn tại chỗ, chuyển chỗ một số loài nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu ở Việt Nam ứng phó biến đổi khí hậu	2018-2020	Đề tài cấp nhà nước	Thư ký

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

.....

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 5 NCS đã hướng dẫn chính

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

STT	Họ và tên NCS	Tên luận án	Cơ sở đào tạo	Năm bảo vệ thành công	Vai trò hướng dẫn
1	Trần Mạnh Long	Ứng Dụng Âm Sinh Học Trong Điều Tra Giám Sát Loài Vượn Đen Má Vàng (<i>Nomascus Gabriellae</i>) Tại Vườn Quốc Gia Cát Tiên	Trường ĐH Lâm nghiệp	2020	Chính
2	Đỗ Xuân Trường	Nghiên cứu tính đa dạng và một số đặc điểm sinh thái của khu hệ chim tại khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, tỉnh Quảng Ninh	Trường ĐH Lâm nghiệp	2021	Chính
3	Thananh Khotpathoom	Nghiên cứu hiện trạng, phân bố và đề xuất giải pháp bảo tồn loài Nai cà tông (<i>Rucervus eldii</i> M'Clelland, 1842) tại Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào	Trường ĐH Lâm nghiệp	2021	Chính
4	Nguyễn Hữu Văn	Nghiên cứu hiện trạng, phân bố loài Vượn đen má trắng (<i>Nomascus leucogenys</i>) tại Vườn Quốc gia Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh nhằm đề xuất giải pháp bảo tồn.	Trường ĐH Lâm nghiệp	2023	Chính
5	Nguyễn Chí Thành	Nghiên cứu tình trạng, đặc điểm sinh thái và bảo tồn loài Trĩ sao	Trường ĐH Lâm nghiệp	2025	Chính

STT	Họ và tên NCS	Tên luận án	Cơ sở đào tạo	Năm bảo vệ thành công	Vai trò hướng dẫn
		(Rheinardia ocellata) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, tỉnh Gia Lai			

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

3.1a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Năm công bố
1.	First observation of mating behavior of the endangered forest musk deer <i>Moschus berezovskii</i> in the wild (Short Note)		Tropical Zoology	2025	0.7
2.	Investigating hunting in a protected area in Southeast Asia using passive acoustic monitoring with mobile smartphones and deep learning	Tg đầu	Ecological Indicators	7.0	2024
3.	Land-use change is associated with multi-century loss of elephant ecosystems in Asia		Scientific Reports	IF = 4,6; Q2	2023
4.	Passive acoustic monitoring using smartphones reveals an alarming gibbon decline in a protected area in the central	Tg đầu và liên hệ	American Journal of Primatology	ISI; IF = 3,01; Q1	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Năm công bố
	Annamite Mountains, Vietnam				
5.	Using mobile smartphones and bioacoustics to monitor endangered bird species	Tg đầu và liên hệ	Ibis	ISI; IF = 2,1; Q1	2023
6.	Demographic and ecological niche dynamics of the Vietnam warty newt, <i>Paramesotriton deloustali</i> : Historical climate influences.		PLoS ONE	ISI; IF = 4,4; Q1	2023
7.	A review on the status and modeling of suitable habitats of the southern white-cheeked gibbon.	Tg đầu và liên hệ	Primates	ISI, IF = 1.78; Q2	2023
8.	Using bioacoustics to monitor gibbons	Tg đầu và liên hệ	Biodiversity and Conservation	ISI; IF = 4,3; Q1	2021
9.	New records of the forest musk deer <i>Moschus berezovskii</i> in Viet Nam revealed by camera traps		Oryx	ISI; IF = 1,96; Q2	2021
10.	Using autonomous recorders and bioacoustics to monitor the globally endangered wildlife in the Annamite mountain landscape: A case study with Crested argus in Song Thanh Nature Reserve	Tg đầu và liên hệ	Journal for Nature Conservation	ISI; IF = 2,57; Q1	2020
11.	An estimation of density and population size for Eld's deer in the Xonnabouly Eld's deer sanctuary, Lao PDR	Tg liên hệ	Mammalia	ISI; IF = 0,71; Q2	
12.	Using radiotelemetry to identify the home range and daily movement of a “living fossil”: the Laotian rock rat (<i>Laonastes aenigmamus</i>)	Tg liên hệ	Mammalian Biology	ISI; IF = 1,98; Q1	2020
13.	Monitoring occurrence, extinction and colonization	Tg đầu và liên hệ	American Journal of Primatology	ISI; IF = 3,01; Q1	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Năm công bố
	probabilities for gibbon populations				
14.	Modelling the change in the distribution of the black-shanked douc, <i>Pygathrix nigripes</i> (Milne-Edwards) in the context of climate change: Implications for conservation	Tg liên hệ	Raffles Bulletin of Zoology	ISI; IF = 1,19; Q4	2020
15.	Combining species distribution modeling and distance sampling to assess the wildlife population size: a case study with the northern yellow-cheeked gibbon (<i>Nomascus annamensis</i>)	Tg liên hệ	American Journal of Primatology	ISI; IF = 3,01; Q1	2020
16.	An application of autonomous recorders for gibbon monitoring	Tg đầu và liên hệ	International Journal of Primatology	ISI; IF = 2,58; Q1	2019
17.	An assessment of the impact of climate change on the distribution of the grey-shanked douc <i>Pygathrix cinerea</i> using an ecological niche model	Tg đầu và liên hệ	Primates	ISI; IF = 1,78; Q2	2019
18.	Natural history observations on the endangered turtle <i>Geoemyda spengleri</i> in Tay Yen Tu Nature Reserve (Vietnam), with notes on other sympatric species		Herpetological Bulletin	ISI, trong cơ sở dữ liệu của Web of science; Q3	2019
19.	Longitudinal monitoring of turtle trade through Facebook in Vietnam		Herpetological Journal	ISI; IF = 1,19; Q2	2019
20.	Improving the estimation of calling probability and correction factors in gibbon monitoring using the auditory point count method	Tg đầu và liên hệ	International Journal of Primatology	ISI; IF = 2,58; Q1	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Năm công bố
21.	A distance sampling approach to estimate density and abundance of gibbon groups	Tg đầu và liên hệ	American Journal of Primatology	ISI; IF = 3,01; Q1	2018
22.	Road crossing by birds in a tropical forest in northern Vietnam	Tg đầu và liên hệ	Ornithological Applications (Tên cũ The Condor)	ISI; IF = 3,04; Q1	2012
23.	Avian conservation value of pine plantation forests in northern Vietnam	Tg đầu và liên hệ	Bird Conservation International	ISI; IF=2,69; Q1	2012
24.	Effects of different logging schemes on bird communities in tropical forests: A simulation study	Tg đầu và liên hệ	Ecological Modelling	ISI; IF=3,51; Q2	2012
25.	Avian influenza viruses in wild land birds in northern Vietnam	Tg đầu	Journal of Wildlife Diseases	ISI; IF=1,63; Q2	2012
26.	Comparing money and labour payment in contingent valuation: the case of forest fire prevention in Vietnamese context		Journal of International Development	ISI; IF=1,54; Q2	2007
27.	Bird species richness and diversity in relation to vegetation in Bavi National Park, Vietnam	Tg đầu và liên hệ	Ornithological Science	ISI; IF=0,79; Q4	2006
28.	A mark-recapture population size estimation of southern yellow-cheeked crested gibbon <i>Nomascus gabriellae</i> (Thomas, 1909) in Chu Yang Sin National Park, Vietnam.	Tg đầu và liên hệ	Asian Primates Journal		2016
29.	Xác định cấu trúc đàn Vượn má vàng trung bộ (<i>Nomascus annamensis</i>) tại khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông, tỉnh Quảng Trị bằng phương pháp âm sinh học	Tg đầu và liên hệ	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Năm công bố
30.	Xác định tình trạng và phân bố của Vượn đen má trắng tại Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		2021
31.	Xác định một số đặc điểm sinh thái của Vượn đen má trắng (<i>Nomascus leucogenys</i> Ogiby, 1804) tại Vườn Quốc gia Vũ quang, tỉnh Hà Tĩnh		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp		2021
32.	Xác định khu vực ưu tiên bảo tồn động vật hoang dã trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Tg đầu và liên hệ	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2020
33.	Đánh giá tính dễ bị tổn thương của một số loài thú ở Việt Nam do ảnh hưởng của Biến đổi khí hậu		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2020
34.	Kích thước và cấu trúc đàn Nai cà tông (<i>Rucervus eldii</i>) tại Khu bảo tồn Nai cà tông Xonnabouly, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		2020
35.	Đặc điểm phân bố của Nai cà tông Nai cà tông (<i>Rucervus eldii</i>) tại Khu bảo tồn Nai cà tông Xonnabouly, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn		2020
36.	The competition between Macaques and cao vit Gibbon in Trung Khanh Species & Habitat Conservation Area, Cao Bang province		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp		2020
37.	Population status and distribution of Rhesus macaque <i>Macaca mulatta</i> (Zimmermann, 1780) at Cat Ba National Park, Vietnam		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp (Phiên bản tiếng Anh)		2019
38.	Đặc điểm phân bố của các loài chim tại Khu Bảo tồn		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển Nông thôn		2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Năm công bố
	thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, tỉnh Quảng Ninh				
39.	Đa dạng thành phần loài chim tại Khu Bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, tỉnh Quảng Ninh		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển Nông thôn		2019
40.	Phân tích phổ âm thanh và xác định cấu trúc đàn vượn đen má vàng phía nam (<i>Nomascus gabriellae</i>) bằng phương pháp âm sinh học tại phân khu nam cát tiên, Vườn Quốc gia Cát Tiên		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2018
41.	Ước lượng mật độ và kích thước quần thể của loài Vượn đen má mòng (<i>Nomascus gabriellae</i>) ở phân khu Nam Cát Tiên, Vườn Quốc gia Cát Tiên		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2018
42.	Phân bố và hiện trạng quần thể của loài Vượn đen má hung (<i>Nomascus gabriellae</i>) ở khu vực Đông Dương		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn		2018
43.	Hiện trạng và phân bố của loài trĩ sao (<i>Rheinardia ocellata</i>) tại khu đề xuất bảo tồn thiên nhiên Khe Nước Trong, tỉnh Quảng Bình		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2018
44.	Using MaxEnt to assess the impact of climate change on the distribution of Southern yellow – cheeked crested gibbon (<i>Nomascus gabriellae</i>)	Tác giả đầu	Journal of Forestry Science and Technology (English version)		2018
45.	Mô hình hóa vùng phân bố thích hợp cho loài chà vá chân nâu (<i>Pygathrix nemaeus</i>)		Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Năm công bố
46.	Nghiên cứu hiện trạng loài Vượn má vàng phía Bắc (<i>Nomascus annamensis</i>) tại khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, tỉnh Quảng Nam bằng phương pháp âm sinh học và thiết bị ghi âm tự động	Tg đầu và liên hệ	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2017
47.	So sánh ổ sinh thái không gian vào mùa hè giữa Rái cá thường (<i>Lutra lutra</i> Linnaeus 1758) và Rái cá vuốt bé (<i>Aonyx cinerea</i> Illiger, 1815) tại VQG Bái Tử Long, tỉnh Quảng Ninh		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2017
48.	Xác định tình trạng và phân bố quần thể loài Gà só ngực vàng (<i>Arborophila chloropus</i>) tại VQG Cát Tiên bằng phương pháp âm sinh học	Tg đầu và liên hệ	Báo cáo khoa học tại Hội nghị Khoa học toàn quốc lần thứ 7 về Sinh thái và tài nguyên sinh vật		2017
49.	Application of automatic recorder and sound analysis in surveying the presence and distribution of bird species in Ngọc Linh nature reserve, Quang Nam province.	Tg đầu và liên hệ	Journal of Forestry Science and Technology (Phiên bản tiếng Anh)		2017
50.	Nghiên cứu tình trạng và phân bố của các loài động vật hoang dã quý hiếm tại Khu bảo tồn thiên nhiên Sốp cộp, tỉnh Sơn La	Chính	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp		2014
51.	Đặc điểm sinh trưởng và sử dụng thức ăn của Gà rừng (<i>Gallus gallus</i> Linnaeus, 1758) trong điều kiện nuôi nhốt		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp		2014
52.	Nghiên cứu tính đa dạng khu hệ thú tại Khu bảo tồn thiên		Tạp chí NN&PTNT		2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Năm công bố
	nhiên Nam Nung, tỉnh Đắk Nông				
53.	Ước lượng xác suất phát hiện động vật hoang dã trong phương pháp điều tra theo tuyến để hiệu chỉnh mật độ	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2014
54.	Nghiên cứu thành phần loài và hiện trạng của các loài động vật quý hiếm tại Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng, tỉnh Đắk Nông		Tạp chí Nông nghiệp & PTNT		2014
55.	Nghiên cứu tập tính hoạt động của loài Đon (<i>Atherurus macrourus</i> Linnaeus, 1758) trong điều kiện nuôi nhốt	Chính	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp		2013
56.	Đa dạng thành phần loài chim tại khu vực đề xuất thành lập khu bảo tồn thiên nhiên Tân Phước, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2013
57.	Thành phần loài động vật quý hiếm tại Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc, tỉnh Bắc Kạn	Chính	Kỷ yếu hội thảo về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật		2013
58.	Các loài động vật hoang dã có giá trị bảo tồn tại Khu bảo tồn thiên nhiên Phú Canh, tỉnh Hòa Bình	Chính	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp		2013
59.	Mô phỏng biến động quần thể Bò tót (<i>Bos gaurus</i>) tại Vườn quốc gia Cát Tiên		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp		2013
60.	Nghiên cứu đặc điểm sử dụng thức ăn của Tắc kè (<i>Gekko gecko</i> Linnaeus, 1758) và biện pháp chủ động nguồn thức ăn trong chăn nuôi Tắc kè thương phẩm	Chính	Tạp chí Rừng và Môi trường		2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Năm công bố
61.	Đa dạng thành phần loài lưỡng cư, bò sát tại khu vực đề xuất thành lập Khu bảo tồn Tân Phượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2013
62.	Hiện trạng các loài động vật quý hiếm khu rừng đặc dụng Hương Sơn, Hà Nội		Tạp chí Rừng và Môi trường		2013
63.	Tập tính và chu kỳ hoạt động của Tắc kè (<i>Gekko gecko</i> Linnaeus, 1758) trong điều kiện nuôi nhốt	Chính	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2013
64.	Khu hệ chim tại Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, tỉnh Đắk Nông		Kỷ yếu hội thảo về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật		2013
65.	Dẫn liệu mới bổ sung cho khu hệ động vật tại khu rừng đặc dụng Hương Sơn, Hà Nội		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp		2013
66.	Nghiên cứu thành phần thức ăn và khẩu phần ăn của Don (<i>Atherurus macrourus</i> Linnaeus, 1758) trong điều kiện nuôi nhốt	Chính	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp		2013
67.	Đặc điểm sinh sản của Tắc kè (<i>Gekko gecko</i> Linnaeus, 1758) trong điều kiện nuôi nhốt	Chính	Tạp chí Khoa học Lâm nghiệp		2013
68.	Tính đa dạng của khu hệ chim tại Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Sơn - Ngổ Luông, tỉnh Hòa Bình		Hội thảo về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam		2012
69.	Dẫn liệu mới cho khu hệ chim tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gõ, tỉnh Hà Tĩnh	Chính	Hội thảo về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam		2012

3.1.b. Sách đã công bố

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên
1	Quản lý động vật hoang dã	GT	Khoa học và Kỹ thuật, 2020	01	x
2	Phân bố của các loài thú nguy cấp, quý hiếm ở Việt Nam	CK/TK	Khoa học và Kỹ thuật, 2020	01	x
3	Bảo tồn các loài nguy cấp, quý hiếm, đặc hữu trong bối cảnh biến đổi khí hậu	CK	Khoa học và Kỹ thuật, 2020	13	x

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

.....

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

.....

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Tiếng Anh
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Thành thạo

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)



Vũ Tiến Thịnh